TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2017
"V/v tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Đức Tường Thoại

2.Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2017/ TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Túy P; địa chỉ thường trú: Số 03 đường Bà T, phường X, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Khu C1, phòng 515, phường Xuân P, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đức H; địa chỉ cư trú: Số nhà 03 đường Bà T, phường X, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Túy P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đức H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 21/12/1991 tại Ủy ban nhân dân phường Xuân P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống cùng nhau tại số nhà 03 đường Bà T, thành phố Huế trong thời gian dài không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, nguyên nhân là do bà và chồng bất đồng quan

điểm, không hòa hợp cùng nhau trong cuộc sống, ông H không tôn trọng bà, ghen tuông vô có và cũng không chia sẻ công việc nhà cùng bà, bà phải một mình nhọc nhằn để kiếm tiền nuôi 2 con nhỏ. Ông H nhiều lần đánh đập bà, bà phải nhẫn nhịn chịu đựng trong thời gian dài, bà không tìm được hạnh phúc trong hôn nhân nhưng vì con còn nhỏ nên bà đã cố gắng chịu đựng. Không thể kéo dài cuộc sống chung cùng chồng, từ tháng 6/2017 bà đã sống ly thân với ông H. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn vợ chồng không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau nữa, không thể hàn gắn để trở về đoàn tụ nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Đức H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Lê Thị Hồng P, sinh năm 1992 và Lê Đức H, sinh năm 1995. Các con của bà đã thành niên, nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Bà và ông Hùng không có nợ chung, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Đức H, trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2017 ông H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật như lời bà P trình bày, quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Ông thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều lần xung đột qua lại, tuy nhiên mâu thuẫn đó là bình thường trong cuộc sống, không trầm trọng đến mức dẫn đến ly hôn. Từ tháng 7/2017 đến nay vợ chồng ông không chúng sống với nhau, bà P đã đến nhà con gái để ở. Ông nhận thấy hiện tại vẫn còn tình cảm với bà P nên không đồng ý ly hôn, ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Ông và bà P có 02 con là Lê Thị Hồng P, sinh năm 1992 và Lê Đức H, sinh năm 1995. Các con của ông đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Ông và bà P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Hồng P và anh Lê Đức H, là con của bà P và ông H cùng trình bày: Trong thời gian chung sống, ba mẹ sống không hạnh phúc, ông H nhiều lần có hành động bạo lực và không tôn trọng bà P. Chị P và anh H cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn ông H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Nguyễn Thị Túy P được ly hôn với ông Lê Đức H vì mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng, các bên đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa nên mục đích cuộc hôn nhân không đạt được; về con chung: Các con của ông H, bà P đã thành niên nên đề nghị Tòa án không xem xét; về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Lê Đức H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

* *Quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Túy P và ông Lê Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường Xuân P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/12/1991, đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của bà P và ông H là hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị Túy P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình hôn nhân giữa bà P và ông H đã phát sinh mẫu thuẫn trong thời gian dài, do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp cùng nhau; là một người phụ nữ, bà P mong muốn được chồng trân trọng, yêu thương và cùng nhau san sẻ về nhiều vấn đề trong cuộc sống, nhưng thực tế hôn nhân của bà P và ông H đã không đạt được điều đó. Hiện tại hai bên đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Xét lời khai của ông Lê Đức H: Trong quá trình tố tụng, ông H đã biết việc bà P khởi kiện ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn, tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tống đạt giấy triệu tập và Thông báo hòa giải nhưng ông H vẫn cố tình không hợp tác, không có hành động thể hiện thiện chí của mình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước phiên tòa.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Xuân P, thành phố Huế, đại diện địa phương cho biết: Mâu thuẫn giữa ông H và bà P thường xuyên xảy ra, do ông H hay ghen tuông vô cớ và có hành động bạo lực với bà P; hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Các con của ông H và bà P đều cho rằng cuộc sống chung của cha mẹ không có hạnh phúc, đề nghị Tòa giải quyết cho bà P được ly hôn.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Túy P và ông Lê Đức H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

* *Về con chung*: Bà P và ông H có 02 con là Lê Thị Hồng P, sinh năm 1992 và Lê Đức H, sinh năm 1995. Các con của ông, bà đã thành niên nên Tòa án không xem xét.

* *Về tài sản chung*: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về nợ chung*: Bà P và ông H cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về án phí ly hôn*: Buộc bà Nguyễn Thị Túy P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 254 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Túy P.

Xử: Bà Nguyễn Thị Túy P được ly hôn với ông Lê Đức H.

2. Về con chung: Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Túy P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà P đã nộp tại Biên lai số AA/2013/002957 ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì ngươi được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-*TAND TT. Huế*;
-*VKSND TP. Huế;*
- *THADS TP. Huế*;
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND P. Xuân Phú;*
- *Lưu dán;*
- *Lưu hồ sơ.*

Mai Thị Mộng Trinh